

Họ tên HS:..... Lớp 1 .....

## BÀI TẬP TOÁN TUẦN 8

### Phần I: Trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 : Có ?



A. 3

B. 4

C. 5

D. 6



Câu 2 : Có ?



ở trên



A.3

B. 6

C. 9

D. 4

Câu 3 : Có ?



A. 1

B. 6

C. 5

D. 7



Câu 4 : Có ?



ở bên phải



A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 5 : Có ?

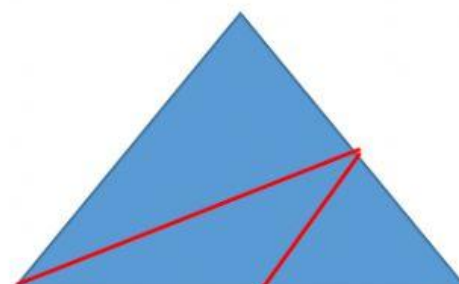


A.3

B. 4

C. 5

D. 6



Câu 6 : Số?  $5 > ?$

A. 6

B. 8

C. 4

D.7

Câu 7: Số 7 đọc là:

A.Sáu

B.Bảy

C.Tám

D.chín

Câu 8 : Số?  $6 < ?$

A. 5

B. 6

C. 7

D.4

Câu 9 : Số?  $1 + ? = 6$

A. 3

B. 4

C. 5

D.6

Câu 10 : Số?  $? + 0 = 5$

A. 0

B. 3

C. 4

D.5

Phần II: Tự luận:

Bài 1: Số?



Bài 2:  $>$ ,  $<$ ,  $=$ ?

$5 \dots 4 + 1$

.....

$7 \dots 0 + 6$

.....

$3 + 0 \dots 4$

.....

$4 + 2 \dots 8$

.....

$0 + 6 \dots 1 + 5$

.....

$2 + 3 \dots 4 + 0$

.....

.....

.....

### Bài 3: Tính?

$1 + 1 = \dots$

$5 + 0 = \dots$

$0 + 6 = \dots$

$5 + 1 = \dots$

$4 + 2 = \dots$

$3 + 1 = \dots$

$2 + 3 = \dots$

$2 + 2 = \dots$

### Bài 4: Số?

$1 + \dots = 5$

$1 + 3 < \dots < 0 + 6$

$4 + 2 > \dots < 1 + 0$

$\dots + 4 = 4$

$3 + 2 > \dots > 3 + 0$

$2 + 0 < \dots > 0 + 5$

### Bài 5: Viết các số 5, 2, 10, 7 theo thứ tự tăng dần:

.....

### Bài 6: Viết phép tính thích hợp?



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |